

Số: 1003/QĐ-UBND

Khánh Hoà, ngày 09 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 49/TTr-STNMT-VP ngày 15/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

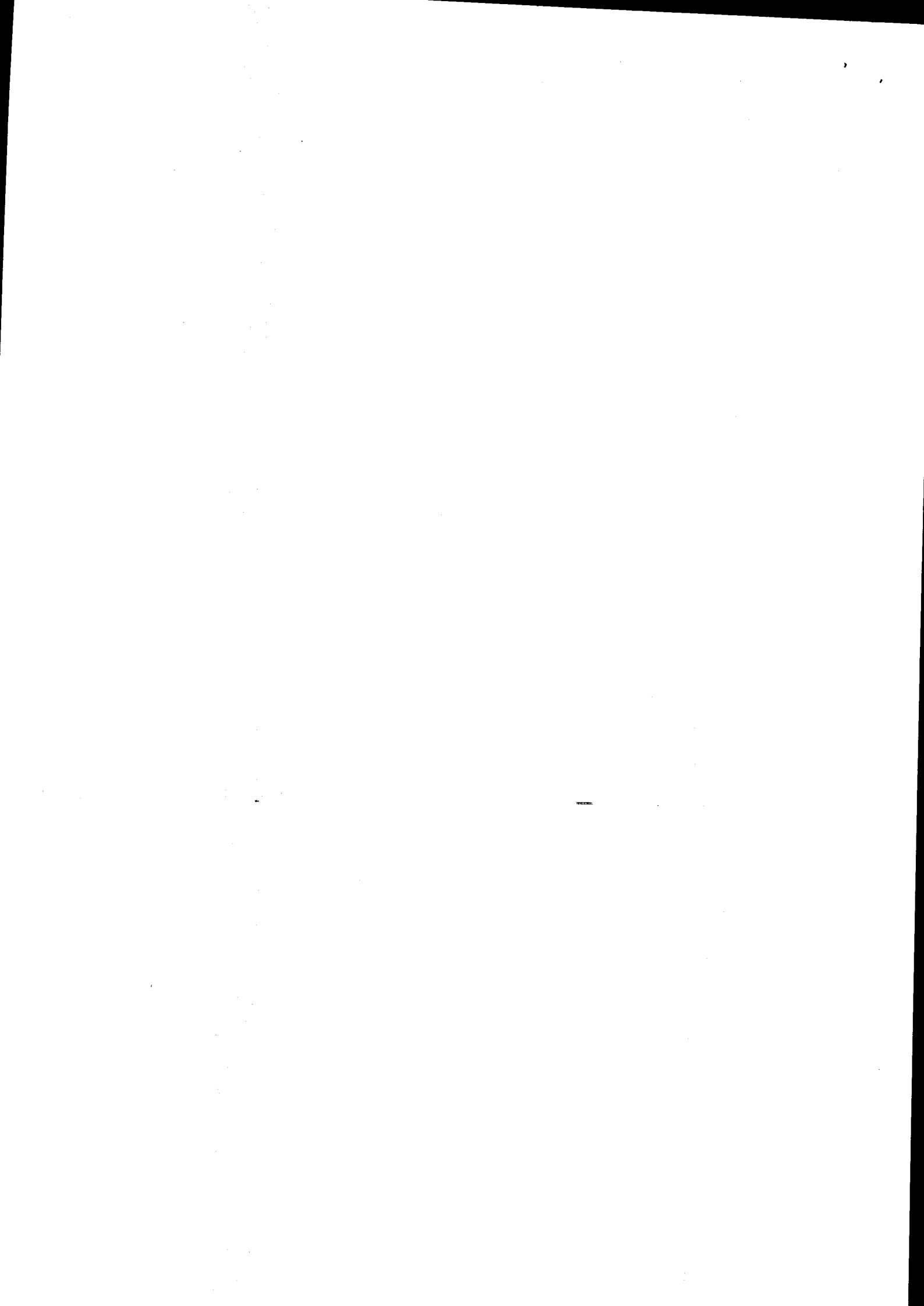
Nơi nhận:

- Như Điều 3 (th) (VBĐT)
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Công báo;
- Công Thông tin ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, LH, DL.M



CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh





**LIÊN MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**
Kèm theo Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí và Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người trồng đất trong tương hợp Nhà nước giao đất có thu tiền hoặc cho thuê đất T-KHA-266948-TT	11 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trong đó: UBND huyện là 02 ngày; Phòng TNMT: 6,5 ngày, Chi nhánh VPPDK là 02 ngày; Bộ phận Một cửa là 0.5 ngày	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	<p>1. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất làm nhà ở; công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền</p> <p>Đất nội thành, nội thị, thị trấn Phí: 600.000; Lệ phí: 25.000</p> <p>Đất thuộc các xã khu vực đồng bằng: Phí: 400.000, Lệ phí: 10.000</p> <p>Đất thuộc các xã khu vực miền núi: Phí: 200.000, Lệ phí: 10.000</p> <p>2 Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh</p> <p>a) Đất được giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất vào mục</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(5) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(6) Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp</p> <p>(7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>

đích sản xuất nông – lâm – thủy sản
 Diện tích đất dưới 2.000m²:
 Phí: 400.000, Lệ phí: 100.000
 Diện tích đất từ 2.000m² đến dưới
 5.000m²: Phí: 600.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 5.000m² đến dưới
 10.000m²: Phí: 800.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 10.000m² đến dưới
 15.000m²: Phí: 1.000.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 15.000m² trở lên:
 Phí: 1.200.000, Lệ phí: 100.000
 b) Đất được giao, công nhận quyền
 sử dụng đất vào mục đích sản xuất
 kinh doanh phi nông nghiệp, thương
 mại dịch vụ và đất được giao cho dự
 án phát triển nhà
 Diện tích đất dưới 2.000m²: Phí:
 1.000.000, Lệ phí: 100.000
 Diện tích đất từ 2.000m² đến dưới
 5.000m²: Phí: 2.000.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 5.000m² đến dưới
 10.000m²: Phí: 3.000.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 10.000m² đến dưới
 15.000m²: Phí: 4.000.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 15.000m² trở lên:

ngày 06/01/2017 của Chính phủ
 (8) Nghị định 120/2016/NĐ-CP
 ngày 23/8/2016 của Chính phủ
 (9) Thông tư số 33/2017/TT-
 BINMT ngày 29/9/2017 của Bộ
 Tài nguyên và Môi trường
 (10) Nghị quyết số 14/2016/NQ-
 HĐND ngày 13/12/2016 của Hội
 đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa
 (11) Quyết định 35A/QĐ-UBND
 ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh
 Khánh Hòa

				Phí: 5.000.000, Lệ phí: 100.000 3. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích khác ngoài hai nhóm 1 và 2 nêu trên: Phí: 500.000, Lệ phí: 100.000	
2.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện BTM-KHA-265121	45 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không quy định	(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ
3.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (bao gồm thẩm định nhu cầu sử dụng đất) BTM-KHA-265123	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trong đó: UBND huyện là 5,5 ngày; Phòng TNMT là 8,5 ngày; Chi nhánh VPPDK là 02 ngày; cơ quan xác định NVTC là 03 ngày; Bộ phận Một cửa là 01 ngày.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	1. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất làm nhà ở; công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền Đất nội thành, nội thị, thị trấn Phí: 600.000; Lệ phí: 25.000 Đất thuộc các xã khu vực đồng bằng: Phí: 400.000, Lệ phí: 10.000 Đất thuộc các xã khu vực miền núi: Phí: 200.000, Lệ phí: 10.000 2. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh a) Đất được giao, cho thuê, công	(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (3) Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ (5) Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ (6) Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

nhận quyền sử dụng đất vào mục
 đích sản xuất nông – lâm – thủy sản
 Diện tích đất dưới 2.000m²:
 Phí: 400.000, Lệ phí: 100.000
 Diện tích đất từ 2.000m² đến dưới
 5.000m²: Phí: 600.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 5.000m² đến dưới
 10.000m²: Phí: 800.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 10.000m² đến dưới
 15.000m²: Phí: 1.000.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 15.000m² trở lên:
 Phí: 1.200.000, Lệ phí: 100.000
 b) Đất được giao, công nhận quyền
 sử dụng đất vào mục đích sản xuất
 kinh doanh phi nông nghiệp, thương
 mại dịch vụ và đất được giao cho dự
 án phát triển nhà
 Diện tích đất dưới 2.000m²: Phí:
 1.000.000, Lệ phí: 100.000
 Diện tích đất từ 2.000m² đến dưới
 5.000m²: Phí: 2.000.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 5.000m² đến dưới
 10.000m²: Phí: 3.000.000, Lệ phí:
 100.000
 Diện tích đất từ 10.000m² đến dưới
 15.000m²: Phí: 4.000.000, Lệ phí:
 100.000

		<p>Diện tích đất từ 15.000m² trở lên: Phí: 5.000.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>3. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích khác ngoài hai nhóm 1 và 2 nêu trên: Phí: 500.000, Lệ phí: 100.000</p>	<p>Trưởng hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực các phường: Phí: 100.000, Lệ phí: 20.000 - Khu vực khác: Phí: 100.000, Lệ phí: 15.000 <p>Trưởng hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực các phường: Phí: 200.000, Lệ phí: 40.000 - Khu vực khác: Phí: 100.000, Lệ phí: 25.000 	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</p> <p>(3) Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ</p> <p>(5) Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ</p> <p>(6) Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa</p>
<p>Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân BTM-KHA-265124</p>	<p>Trưởng hợp chuyển mục đích sử dụng đất nguyên thửa đất xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận: 15 ngày (UBND: 03 ngày, Phòng TNMT: 6,5 ngày, Cơ quan xác định NVTC: 03 ngày, Chi nhánh VPPDK: 1,5 ngày, Bộ phận một cửa: 01 ngày)</p> <p>Trưởng hợp chuyển mục đích sử dụng đất một phần thửa đất ở có vườn, ao xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận: 20 ngày (UBND: 03 ngày, Phòng TNMT: 07 ngày, Cơ quan xác định NVTC: 03 ngày, Chi nhánh VPPDK: 06 ngày, Bộ phận một cửa: 01 ngày)</p> <p>Trưởng hợp chuyển mục đích sử dụng đất nguyên</p>	<p>Bộ phận một cửa UBND cấp huyện</p>	<p>4.</p>	

5.	<p>Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế BTM-KHA-265130</p>	<p>Thời gian giải quyết: 07 ngày. Trong đó, UBND huyện là 02 ngày; Phòng TNMT là 2,5 ngày; Chi nhánh VPĐK là 0,5 ngày; cơ quan xác định NVTC là 01 ngày; Bộ phận Một cửa là 01 ngày</p> <p>Trường hợp cấp mới do trên</p>	<p>Bộ phận một cửa UBND cấp huyện</p>	<p>Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực các phường: Phí: 100.000, Lệ phí: 20.000 - Khu vực khác: Phí: 100.000, Lệ phí: 15.000 <p>Trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ</p>
		<p>thửa đất có nhu cầu cấp mới Giấy chứng nhận: 19 ngày (UBND: 06 ngày, Phòng TNMT: 07 ngày, Cơ quan xác định NVTC: 03 ngày, Chi nhánh VPĐK: 02 ngày, Bộ phận một cửa: 01 ngày)</p> <p>Trường hợp Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất một phần thửa đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất một phần thửa đất ở có vườn, ao hoặc thửa đất có nguồn gốc từ đất vườn, ao gắn liền với nhà ở - Có nhu cầu tách thửa: 23 ngày (UBND: 5,5 ngày, Phòng TNMT: 7,5 ngày, Cơ quan xác định NVTC: 03 ngày, Chi nhánh VPĐK: 06 ngày, Bộ phận một cửa: 01 ngày)</p>			

	<p>trang 4 Giấy chứng nhận không còn chỗ trống: 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trong đó, UBND huyện là 02 ngày; Phòng TNMT là 2,0 ngày; Chi nhánh VPDK là 2,0 ngày; cơ quan xác định NVTC là 03 ngày; Bộ phận Một cửa là 01 ngày</p>		<p>- Khu vực các phường: Phí: 200.000, Lệ phí: 40.000 - Khu vực khác: Phí: 100.000, Lệ phí: 25.000</p>	<p>Tài nguyên và Môi trường (5) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ (6) Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ (7) Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa</p>
<p>Định chính Giấy chứng nhận đã cấp BTM-KHA-265108</p>	<p>a. Trường hợp định chính nội dung trên Giấy chứng nhận do UBND huyện cấp hoặc Giấy chứng nhận trước đây UBND tỉnh đã cấp: 07 ngày, trong đó: UBND cấp huyện: 03 ngày; Chi nhánh VPDKĐD: 3,5 ngày, Bộ phận một cửa: 0,5 ngày b. Trường hợp định chính và cấp đổi Giấy chứng nhận do UBND huyện cấp hoặc Giấy chứng nhận trước đây UBND tỉnh đã cấp: 10 ngày, trong đó: UBND cấp huyện: 03 ngày; Chi nhánh VPDKĐD: 6,5 ngày, Bộ phận một cửa: 0,5 ngày</p>	<p>Bộ phận một cửa UBND cấp huyện</p>	<p>Trường hợp chi chứng nhận quyền sử dụng đất - Khu vực các phường: Phí: 100.000, Lệ phí: 20.000 - Khu vực khác: Phí: 100.000, Lệ phí: 15.000 Trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Khu vực các phường: Phí: 200.000, Lệ phí: 40.000 - Khu vực khác: Phí: 100.000, Lệ phí: 25.000</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (5) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ (6) Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa (7) Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ</p>
<p>6.</p>				

	<p>Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện. BTM-KHA-265135</p>	<p>30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trong đó: UBND huyện là 03 ngày, Phòng TNMT: 07 ngày, Chi nhánh VPK là 19 ngày, Bộ phận một cửa là 01 ngày</p>	<p>Bộ phận một cửa UBND cấp huyện</p>	<p>Không thu</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (6) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ (7) Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa (8) Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ</p>
7.	<p>Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu BTM-KHA-265136</p>	<p>43 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trưởng hợp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã: UBND huyện là 03 ngày; Phòng TNMT là 02 ngày; Chi nhánh VPK là 10 ngày; cơ quan xác định NVTC là 03 ngày; cơ quan cấp phép xây dựng: 03 ngày; UBND cấp xã 20 ngày; bộ phận Một cửa là 02 ngày Trưởng hợp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện:</p>	<p>Bộ phận một cửa UBND cấp huyện, UBND cấp xã</p>	<p>1. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất làm nhà ở; công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền Đất nội thành, nội thị, thị trấn Phí: 600.000; Lệ phí: 25.000 Đất thuộc các xã khu vực đồng bằng: Phí: 400.000, Lệ phí: 10.000 Đất thuộc các xã khu vực miền núi: Phí: 200.000, Lệ phí: 10.000 2. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất,</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (5) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (6) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>
8.					

	<p>UBND huyện là 03 ngày; Phòng TNMT là 03 ngày; Chi nhánh VPPDK là 10 ngày; cơ quan xác định NVTC là 03 ngày; cơ quan cấp phép xây dựng: 03 ngày; UBND cấp xã 20 ngày; Bộ phận Một cửa là 01 ngày</p>	<p>công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh a) Đất được giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông – lâm – thủy sản Diện tích đất dưới 2.000m²: Phí: 400.000, Lệ phí: 100.000 Diện tích đất từ 2.000m² đến dưới 5.000m²: Phí: 600.000, Lệ phí: 100.000 Diện tích đất từ 5.000m² đến dưới 10.000m²: Phí: 800.000, Lệ phí: 100.000 Diện tích đất từ 10.000m² đến dưới 15.000m²: Phí: 1.000.000, Lệ phí: 100.000 Diện tích đất từ 15.000m² trở lên: Phí: 1.200.000, Lệ phí: 100.000 b) Đất được giao, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ và đất được giao cho dự án phát triển nhà Diện tích đất dưới 2.000m²: Phí: 1.000.000, Lệ phí: 100.000 Diện tích đất từ 2.000m² đến dưới 5.000m²: Phí: 2.000.000, Lệ phí: 100.000 Diện tích đất từ 5.000m² đến dưới 10.000m²: Phí: 3.000.000, Lệ phí: 100.000</p>	<p>ngày 06/01/2017 của Chính phủ (7) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (8) Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ (9) Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa</p>
--	--	---	---

	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu BTM-KHA-265137	38 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó: UBND huyện là 03 ngày; Phòng TNMT là 02 ngày; Chi nhánh VPĐK là 09 ngày; cơ quan xác định NVTC là 03 ngày; (cơ quan cấp phép xây dựng: 05 ngày; UBND cấp xã 20 ngày); Bộ phận Một cửa là 01 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	<p>Diện tích đất từ 10.000m² đến dưới 15.000m²: Phí: 4.000.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>Diện tích đất từ 15.000m² trở lên: Phí: 5.000.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>3. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích khác ngoài hai nhóm 1 và 2 nêu trên: Phí: 500.000, Lệ phí: 100.000</p>	
9.				<p>1. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất làm nhà ở; công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền</p> <p>Đất nội thành, nội thị, thị trấn Phí: 600.000; Lệ phí: 25.000</p> <p>Đất thuộc các xã khu vực đồng bằng: Phí: 400.000, Lệ phí: 10.000</p> <p>Đất thuộc các xã khu vực miền núi: Phí: 200.000, Lệ phí: 10.000</p> <p>2. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(5) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(6) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ</p> <p>(7) Thông tư số 33/2017/TT-</p>

		<p>a) Đất được giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông – lâm – thủy sản</p> <p>Diện tích đất dưới 2.000m²: Phí: 400.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>Diện tích đất từ 2.000m² đến dưới 5.000m²: Phí: 600.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>Diện tích đất từ 5.000m² đến dưới 10.000m²: Phí: 800.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>Diện tích đất từ 10.000m² đến dưới 15.000m²: Phí: 1.000.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>Diện tích đất từ 15.000m² trở lên: Phí: 1.200.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>b) Đất được giao, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ và đất được giao cho dự án phát triển nhà</p> <p>Diện tích đất dưới 2.000m²: Phí: 1.000.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>Diện tích đất từ 2.000m² đến dưới 5.000m²: Phí: 2.000.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>Diện tích đất từ 5.000m² đến dưới</p>	<p>BTNNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(8) Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ</p> <p>(9) Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa</p>
--	--	--	---

				<p>10.000m²: Phí: 3.000.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>Diện tích đất từ 10.000m² đến dưới 15.000m²: Phí: 4.000.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>Diện tích đất từ 15.000m² trở lên: Phí: 5.000.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>3. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất vào mục đích khác ngoài hai nhóm 1 và 2 nêu trên: Phí: 500.000, Lệ phí: 100.000</p>	
10.	<p>Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm BTM-KHA-265143</p>	<p>25 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trong đó: UBND huyện là 06 ngày; Phòng TNMT là 10 ngày, Chi nhánh VPDK là 05 ngày; cơ quan xác định NVTC là 03 ngày; Bộ phận Một cửa là 01 ngày.</p>	<p>Bộ phận một cửa UBND cấp huyện</p>	<p>Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chuyển quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất</p> <p>- Khu vực các phường: Phí: 600.000, Lệ phí: 100.000</p> <p>- Khu vực khác: Phí: 600.000, Lệ phí: 50.000</p> <p>Trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất (không phải là nhà ở)</p> <p>- Khu vực các phường: Phí: 200.000, Lệ phí: 40.000</p> <p>- Khu vực khác: Phí: 100.000, Lệ phí: 25.000</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(5) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ</p> <p>(6) Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ</p> <p>(7) Nghị quyết số 14/2016/NQ-</p>

				HDND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa
				(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013
				(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ
				(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
				(4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
				(5) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ
				(6) Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ
				(7) Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa
			Trường hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất - Khu vực các phường: Phí: 100.000, Lệ phí: 20.000 - Khu vực khác: Phí: 100.000, Lệ phí: 15.000 Trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Khu vực các phường: Phí: 200.000, Lệ phí: 40.000 - Khu vực khác: Phí: 100.000, Lệ phí: 25.000	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện
			14 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trong đó: UBND huyện là 03 ngày; Phòng TNMT: 05 ngày, Chi nhánh VPDK là 02 ngày; cơ quan xác định NVTC là 03 ngày; Bộ phận Một cửa là 01 ngày	
			Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	11. BTM-KHA-265145

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Căn cứ pháp lý
1.	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
2.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
3.	Giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
4.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất (trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền hoặc cho thuê đất)	Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
5.	Trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận	Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
6.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện.	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
7.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa

	sử dụng đất (bao gồm thẩm định nhu cầu sử dụng đất)		
	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
8.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
9.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
10.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
11.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
12.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
13.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
14.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất chủ sở hữu	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa

	tài sản gắn liền với đất phát hiện.			
16.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa	
17.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thừa đất góc chưa được cấp Giấy chứng nhận.	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa	
18.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất.	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa	
19.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp.	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa	
20.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất.	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa	
21.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa	
22.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân.	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa	
23.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với	Quyết định số 416/QĐ-UBND	Phục vụ chuẩn hóa	

	đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	
24.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
25.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa
26.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.		
27.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phục vụ chuẩn hóa

	<p>một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.</p>	
--	--	--